

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 625/2025/DS-PT
Ngày: 27-8-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hội

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tăng
Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lâm Hồng Diễm, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Đạm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18/6/2025 và ngày 27/8/2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 137/2025/TLPT- DS ngày 18 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2025/DS-ST ngày 21/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 486/2025/QĐXXPT-DS ngày 05 tháng 8 năm 2025 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Cà N, sinh năm: 1964. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã G, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã P, tỉnh Đồng Tháp).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà N là bà Võ Thị Mỹ T, Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ. (Có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Bà Trần Thị Kim N1, sinh năm: 1981. (Có mặt)

2.2. Ông Nguyễn Thanh T1, sinh năm: 1977. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã P, tỉnh Đồng Tháp).

4. Người kháng cáo: Bà Trần Thị Cà N là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Trần Thị Cà N trình bày:

Vào ngày 07/4/2023 bà có cho ông T1, bà N1 vay số tiền 20.000.000đ, đến ngày 04/9/2023 vay thêm 20.000.000đ, đến ngày 06/12/2023 vay thêm 10.000.000đ, tổng cộng năm 2023 vay số tiền 50.000.000đ, lãi suất 4%/1 tháng, sau khi vay có đóng lãi hàng tháng, tổng số tiền lãi mà bà N1, ông T1 đóng cho bà là 11.200.000đ (lãi của số tiền vay năm 2023). Sau đó đến ngày 09/4/2024 bà có cho vay thêm 50.000.000đ để đáo nợ Ngân hàng, vay không có lãi, thời hạn vay 03 ngày, bà trực tiếp giao tiền cho bà N1 nhận, đến ngày 13/4/2024 bà N1, ông T1 có trả cho bà số tiền vay gốc 30.000.000đ, số tiền còn lại đến nay chưa trả cho bà. Nay bà yêu cầu bà N1 và ông T1 có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay còn nợ là 70.000.000đ, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Bị đơn trình bày:

+ Bà Trần Thị Kim N1 trình bày:

Bà thừa nhận năm 2023 có vay tiền của bà N nhiều lần tổng số tiền là 50.000.000đ như bà N trình bày. Đối với số tiền vay 50.000.000đ của năm 2024 bà không thừa nhận có vay số tiền này. Sau khi vay bà có trả lãi cho bà N mỗi tháng số tiền 2.000.000đ, mục đích vay làm ăn riêng, khi nhận tiền chỉ mình bà nhận. Việc vay và trả lãi không có làm giấy tờ gì. Đến tháng 4/2024 bà có trả số tiền vay gốc 50.000.000đ xong cho bà N. Nay bà yêu cầu bà trả số tiền 70.000.000đ, bà không đồng ý. Tại phiên tòa, do bà N thừa nhận bà chỉ trả cho bà N số tiền gốc 30.000.000đ và tiền lãi. Như vậy, số tiền gốc của năm 2023 còn lại là 20.000.000đ, bà đồng ý trả số tiền gốc này theo yêu cầu bà N, không đồng ý trả thêm khoản tiền nào khác. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

+ Ông Nguyễn Thanh T1 trình bày:

Ông không thừa nhận có nợ bà N số tiền 70.000.000đ, việc vợ ông là bà N1 vay tiền của bà N ông không biết, ông cũng không có nhận tiền từ bà N. Sau khi bán đất ông có biết việc bà N1 thiếu nợ số tiền 50.000.000đ, ông có đưa tiền cho vợ ông trả nợ, nay bà N cho rằng còn nợ bà N tổng số tiền 70.000.000đ, ông không đồng ý theo yêu cầu bà N. Ông chỉ đồng ý liên đới cùng bà N1 trả cho bà N số tiền 20.000.000đ mà thôi. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2025/DS-ST ngày 21/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện T đã tuyên:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Cà N đối với bà Trần Thị Kim N1, ông Nguyễn Thanh T1.

2. Buộc bà Trần Thị Kim N1, ông Nguyễn Thanh T1 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Thị Cà N số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Cà N đối với bà Trần Thị Kim N1, ông Nguyễn Thanh T1 về việc liên đới trả nợ đối với số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) của năm 2024.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí:

- Bà Trần Thị Cà N là người cao tuổi (hiện 61 tuổi) thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên không đề cập xử lý.

- Bà Trần Thị Kim N1, ông Nguyễn Thanh T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thời hạn theo luật định.

- Sau khi án sơ thẩm xử, ngày 03/3/2025 bà Trần Thị Cà N có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Trần Thị Cà N rút yêu cầu khởi kiện vợ chồng bà N1 đối với số tiền vay 50.000.000đ của năm 2024 và rút toàn bộ đơn kháng cáo ngày 03/3/2025.

- Ý kiến của trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà N đối với số tiền vay 50.000.000đ của năm 2024 và rút toàn bộ đơn kháng cáo ngày 03/3/2025.

- Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Cà N đối với số tiền vay 50.000.000đ của năm 2024 và rút toàn bộ đơn kháng cáo ngày 03/3/2025, hủy một phần bản án sơ thẩm số 03/2025/DS-ST ngày 21/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện T (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 11-tỉnh Đồng Tháp) và đình chỉ giải quyết vụ án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Cà N, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa ngày 27/8/2025, bà Trần Thị Cà N xin rút một phần đơn yêu cầu khởi kiện của bà đối với vợ chồng chị N1, anh T1 trên số tiền vay 50.000.000đ của năm 2024 và rút toàn bộ đơn kháng cáo ngày 03/3/2025.

Việc rút một phần đơn yêu cầu khởi kiện của bà N đối với vợ chồng chị N1, anh T1 trên số tiền vay 50.000.000đ của năm 2024 và rút toàn bộ đơn kháng cáo ngày 03/3/2025, phía bị đơn bà Trần Thị Kim N1, anh Nguyễn Thanh T1 cũng đồng ý.

Xét việc rút đơn một phần đơn khởi kiện và rút toàn bộ đơn kháng cáo của bà Trần Thị Cà N là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà N đối với số tiền vay 50.000.000đ của năm 2024 và rút toàn bộ đơn kháng cáo ngày 03/3/2025, hủy một phần bản án sơ thẩm số 03/2025/DS-ST ngày 21/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện T và đình chỉ giải quyết vụ án. Xét đề nghị của Trợ giúp viên pháp lý là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Cà N đối với số tiền vay 50.000.000đ của năm 2024 và rút toàn bộ đơn kháng cáo ngày 03/3/2025, hủy một phần bản án sơ thẩm số 03/2025/DS-ST ngày 21/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện T (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 00 – tỉnh Đồng Tháp) và đình chỉ giải quyết vụ án. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 299; Điều 311 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điểm đ, khoản 1; Điều 12; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Hủy một phần bản án sơ thẩm số: 03/2025/DS-ST ngày 21/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện T (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 00- tỉnh Đồng Tháp) đối với số tiền vay 50.000.000đ của năm 2024 và đình chỉ giải quyết vụ án thụ lý số 137/2025/TLPT-DS, ngày 18/4/2025.

Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

2. Ân phí phúc thẩm:

- Miễn tiền án phí phúc thẩm cho bà Trần Thị Cà N.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- TAND Khu vực 00 – tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng GĐKT, TT &THA- TAND Tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Phước Hội